TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ S** **TỈNH H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2023/HSST
Ngày: 18/7/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hà Thị L.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị T.

2. Ông Nguyễn H.

- Thư ký phiên toà: Bà Thị N, Thư ký Toà án nhân dân thành phố S – tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S – tỉnh H tham gia phiên toà: Ông Giang L, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố S tỉnh H, Tòa án nhân dân thành phố S xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 88/2023/HSST ngày 05 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

TRỊNH T, sinh năm: 1985, tại tỉnh G;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: khu phố 7, phường D, thành phố S, tỉnh H; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trịnh N và bà Văn B. Có chồng đã ly hôn, có 04 con.

Tiền sự : không;

Tiền án: Ngày 14/9/2022 bị Tòa án nhân dân thành phố S xử phạt 06 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo Bản án số 150/2022/HSST.

Nhân thân:

Ngày 22/4/1996 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn L – HT áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo Quyết định số 21.

Ngày 25/11/1997 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng theo Quyết định số 73.

Ngày 13/01/2023 bị Tòa án nhân dân thành phố S xử phạt 06 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo Bản án số 15/2023/HSST.

Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam A – Bộ Công an, hiện được trích xuất về Nhà tạm giữ - Công an thành phố S.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 02giờ 00 phút ngày 08/01/2023, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên **Trịnh T** đi xe khách đến khu vực nhà thờ B , phường A, thị xã L, tỉnh H để tìm người bán ma túy. Đến nơi, T gặp 01 người tên V (không rõ nhân thân) hỏi mua ma túy với giá 4.450.000 đồng, T nói "Lấy ¼ ma túy đá, còn lại lấy ma túy heroine" thì V đồng ý. V nhận tiền rồi đi khoảng 15 phút sau quay lại đưa cho T 01 gói ma túy đá và 01 gói ma túy heroine được quấn bằng băng keo đen xung quanh. T nhận ma túy rồi mang về nhà tại khu phố 7, phường D, thành phố S cất giấu để sử dụng dần.

Đến khoảng 15 giờ 15 phút ngày 11/01/2023, khi T đang phân nhỏ số ma túy đá và heroine mua của V để cất giấu sử dụng thì bị Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an thành phố S phối hợp với Công an phường D kiểm tra. Sợ bị phát hiện nên T đã lấy toàn bộ số ma túy nêu trên bỏ 01 dĩa nhựa màu trắng rồi cất giấu vào trong máy giặt thì bị lực lượng chức năng phát hiện, lập biên bản, thu giữ tang vật và đưa T về trụ sở làm việc. Tại đây, T thừa nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích sử dụng như đã nêu trên.

Vật chứng thu giữ:

- 01 dĩa nhựa màu trắng được thu giữ bên trong máy giặt ở nhà của Trịnh T, trên dĩa nhựa có:

+ 02 gói nylon không màu, có khóa nhựa kéo một đầu, kích thước mỗi gói khoảng 06 x 09 cm, bên trong mỗi gói có chứa nhiều cục chất bột màu trắng dạng nén, được niêm phong ký hiệu M1.

+ 02 gói nylon không màu, có khóa nhựa kéo một đầu, kích thước mỗi gói khoảng 05 x 8,5 cm, bên trong mỗi gói đều có chứa nhiều tinh thể màu trắng, được niêm phong ký hiệu M2.

+ 01 gói nylon không màu, có khóa nhựa kéo một đầu, kích thước khoảng 4,5 x 8,5 cm, bên trong chứa: 02 đoạn ống nhựa hút nước màu vàng, được hàn kín hai đầu, kích thước mỗi đoạn khoảng 01 x 02 cm, bên trong mỗi đoạn ống nhựa đều có chứa chất rắn, được niêm phong ký hiệu M3; 01 đoạn nylon không màu, được hàn kín hai đầu, kích thước khoảng 01 x 03 cm bên trong có chứa tinh thể màu trắng, được niêm phong ký hiệu M4.

+ 01 bộ dụng cụ gồm: 01 đoạn ống hút nước, 01 chai nhựa, 01 ống thủy tinh được uốn cong và thổi phồng một đầu (Bút lục số 16).

Tại Bản kết luận giám định số số 55/KL-KTHS ngày 19/01/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H kết luận:

- Mẫu M1 gửi giám định có khối lượng 9,3260 gam; là Heroine.
- Mẫu M2 gửi giám định có khối lượng 1,3360 gam; là Methamphetamine.
- Mẫu M3 gửi giám định có khối lượng 0,1443 gam; là Heroine.
- Mẫu M4 gửi giám định có khối lượng 0,0853 gam; là Methamphetamine.

Tổng khối lượng ma túy mà Trịnh Thị Thu Thủy tàng trữ là 9,4703 gam Heroine và 1,4213 gam Methamphetamine.

Xử lý vật chứng:

Đối với 04 phong bì niêm phong số 55/1, 55/2, 55/3, 55/4 có chữ ký của giám định viên Nguyễn Hồng H và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H; 01 dĩa nhựa trắng; 01 đoạn ống hút nước, 01 chai nhựa, 01 ống thủy

tinh được uốn cong và thổi phồng một đầu, Viện kiểm sát nhân dân thành phố S ra Quyết định chuyển các vật chứng trên đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố S chờ xử lý.

Tại phiên tòa bị cáo Trịnh T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Qúa trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh H nêu trên.

Bản cáo trạng số 92/CT – VKSPT-HS ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh H đã truy tố bị cáo Trịnh T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm n, o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự;

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Trịnh T đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Trịnh T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Đề nghị áp dụng điểm n, o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trịnh T với mức hình phạt từ 06 năm tù đến 07 năm tù. Áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự, tổng hợp mức hình phạt 12 năm 06 tháng tù theo bản án số 15/2023/HSST ngày 13/01/2023 của Tòa án nhân dân thành phố S, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên:

Tịch thu tiêu hủy mẫu vật còn lại sau giám định gồm: số mẫu vật còn lại sau giám định trong 04 phong bì niêm phong số 55/1, 55/2, 55/3, 55/4 có chữ ký của giám định viên Nguyễn Hồng H và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H là vật thuộc loại nhà nước cấm lưu hành; 01 dĩa nhựa trắng; 01 đoạn ống hút nước, 01 chai nhựa, 01 ống thủy tinh được uốn cong và thổi phồng một đầu, là vật không có giá trị sử dụng.

Lời nói sau cùng của bị cáo Trịnh T: Bị cáo biết hành vi tàng trữ ma túy là vi phạm pháp luật mong Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt, bị cáo hứa sẽ học tập rèn luyện để trở thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố S, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến

hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ buộc tội bị cáo: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội. Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra Công an thành phố S và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 11/01/2023 tại khu phố 7, phường D, thành phố S, bị cáo Trịnh T có hành vi tàng trữ trái phép 9,4703 gam Heroine và 1,4213 gam Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng thì bị Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố S phối hợp với Công an phường D phát hiện thu giữ.

Xét thấy Trịnh T là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức đầy đủ về hành vi của mình đối với xã hội. Bị cáo nhận thức được những tác hại nguy hiểm của ma túy đối với sức khỏe con người, đối với cộng đồng xã hội và việc tàng trữ chất ma túy là trái pháp luật. Nhà nước nghiêm cấm và xử lý nghiêm khắc đối với mọi hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng bị cáo đã xem thường pháp luật, đã tàng trữ ma túy bất chấp hậu quả. Bị cáo tàng trữ trái phép 9,4703 gam Heroine và 1,4213 gam Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng; bị cáo T đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng tại Bản án số 150/2022/HSST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố S, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng do đó hành vi phạm tội lần này của bị cáo T thuộc trường hợp *"Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm e đến điểm m khoản này"* và *"Tái phạm nguy hiểm"*, là các tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm n, o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Do đó đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Trịnh T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm n, o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố S đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cho thấy: Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của nhà nước về chất ma túy mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương, thể hiện tính nguy hiểm cao cho xã hội. Mặt khác bị cáo có nhân thân xấu. Vì vậy cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội và cũng là để giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, xét thấy tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự sẽ được Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo an tâm rèn luyện tu dưỡng sớm trở thành người có ích cho xã hội.

[4] Về xử lý vật chứng:

Đối với số mẫu vật còn lại sau giám định trong 04 phong bì niêm phong số 55/1, 55/2, 55/3, 55/4 có chữ ký của giám định viên Nguyễn Hồng H và hình dấu

tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H là vật thuộc loại nhà nước cấm lưu hành; 01 dĩa nhựa trắng; 01 đoạn ống hút nước, 01 chai nhựa, 01 ống thủy tinh được uốn cong và thổi phồng một đầu là vật không có giá trị sử dụng. Do vậy cần áp dụng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự quyết định tịch thu tiêu hủy.

[5] Đối với nguồn gốc ma túy tàng trữ, bị cáo khai mua đối tượng tên V. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố S chưa xác định được nhân thân nên không có căn cứ để xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí : Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm n, o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trịnh T phạm tội " Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt: Bị cáo Trịnh T 07 (Bảy) năm tù. Áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt 12 năm 06 tháng tù theo bản án số 15/2023/HSST ngày 13/01/2023 của Tòa án nhân dân thành phố S, buộc bị cáo Trịnh T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 19 (Mười chín) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên:

Tịch thu tiêu hủy số mẫu vật còn lại sau giám định trong 04 phong bì niêm phong số 55/1, 55/2, 55/3, 55/4 có chữ ký của giám định viên Nguyễn Hồng H và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H ; 01 dĩa nhựa trắng; 01 đoạn ống hút nước, 01 chai nhựa, 01 ống thủy tinh được uốn cong và thổi phồng một đầu.

Vật chứng ghi trên hiện do Chi cục thi hành án dân sự thành phố S quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 142 ngày 12/7/2023.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết, tuyên buộc bị cáo Trịnh T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/7/2023).

Nơi nhận
- VKSND thành phố S;
- VKSND tỉnh H;
- TAND tỉnh H;
- Công an thành phố S;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND địa phương nơi b/c thường trú;
- Thi hành án thành phố S;
- Lưu hồ sơ.

TM – HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị L